

CTCP ĐẦU TƯ NAM LONG – HSX: NLG

MỞ KHÓA QUỸ ĐẤT ĐỒNG NAI

KHUYẾN NGHỊ: MUA

Giá mục tiêu: 50,100

Upside: +24.6%

Ngành Bất động sản | BSC Research

QUAN ĐIỂM ĐỊNH GIÁ

BSC duy trì khuyến nghị **MUA** và điều chỉnh tăng +12.8% giá mục tiêu lên mức **50,100 VND/CP (upside +24.6%)** so với [báo cáo gần nhất](#) sau khi đánh giá lại dự án Waterpoint giai đoạn 2 và tiến hành định giá RNAV đối với Paragon Đại Phước. Chúng tôi tin rằng triển vọng tăng trưởng bền vững trong giai đoạn 2025-2027 với (1) doanh số mở bán mới +54% CAGR, (2) lợi nhuận ròng +39% CAGR nhờ các dự án cao cấp Izumi, Paragon sẽ là động lực dẫn dắt giá cổ phiếu đạt hiệu suất tốt trong thời gian tới.

DỰ BÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Năm 2025: BSC điều chỉnh giảm -12% dự phóng doanh thu còn 6,222 tỷ VND (-14% YoY) do giãn một phần tiến độ bàn giao tại Southgate sang 2026. Tuy nhiên, chúng tôi điều chỉnh tăng +14% dự phóng LNST-CDTS lên mức 725 tỷ VND (+42% YoY) do được bù đắp bởi 250 tỷ VND lợi nhuận thoái vốn 15% Izumi trong Q3/2025.

Năm 2026-2027: tăng trưởng lợi nhuận được dẫn dắt bởi lợi nhuận từ LDLK khi NLG bắt đầu bàn giao Izumi và Paragon Đại Phước. Theo đó, **BSC dự phóng KQKD trong 2026/2027 lần lượt đạt DTT = 5,331 tỷ VND (-14% YoY)/4,209 tỷ VND (-21% YoY) và LNST-CDTS = 871 tỷ VND (+20% YoY)/1,411 tỷ VND (+62% YoY).**

Đối với doanh số mở bán mới, BSC duy trì dự phóng **doanh số mở bán mới năm 2025 đạt 7,422 tỷ VND (+43% YoY)** tiếp tục từ các dự án hiện hữu Southgate (phân khu The Pearl, Solaria) và Cần Thơ. Bước sang 2026, các đại dự án Izumi, Paragon Đại Phước và phân khu cao tầng CC5 của Mizuki Park sẽ dẫn dắt **doanh số mở bán mới năm 2026 tăng trưởng 82% YoY đạt 13,491 tỷ VND.**

LUẬN ĐIỂM ĐẦU TƯ

Chúng tôi vẫn duy trì các luận điểm đầu tư như báo cáo trước, bao gồm:

- (1) **Triển vọng tăng trưởng lợi nhuận ấn tượng +39% CAGR trong 2025-2027** nhờ triển khai các dự án lớn bao gồm Izumi và Paragon Đại Phước.
- (2) **Các phân khu tiếp theo của Southgate cũng như quỹ đất 190ha tại Waterpoint giai đoạn 2 (tỷ lệ sở hữu 100%) sẽ chứng kiến biên lợi nhuận nở ra và tốc độ hấp thụ tốt** nhờ (i) tâm lý thị trường thuận lợi với sự hiện diện của các dự án lớn của Ecopark, Vinhomes,... tại thị trường Long An và (ii) hưởng lợi từ hạ tầng khi quỹ đất có vị trí kết nối thuận lợi với Vành đai 3.
- (3) **Định giá còn nhiều dư địa để điều chỉnh tăng trong tương lai.** (1) chúng tôi hiện vẫn đang định giá quỹ đất tiềm năng Waterpoint giai đoạn 2 (190ha, Long An) theo phương pháp P/B do chờ kế hoạch triển khai của DN và (2) áp lực bán từ các cổ đông lớn (Ibeworthy Pte. Ltd, CTCP Đầu tư Thái Bình) không còn.

KQKD	2024	2025F	2026F	2027F
Doanh thu thuần	7,196	6,222	5,331	4,209
Lợi nhuận gộp	3,068	2,527	2,356	1,611
NPATMI	512	725	871	1,411
EPS	1,212	1,808	2,171	3,517

Trung tâm phân tích BSC

Lâm Việt

(Chuyên viên phân tích cao cấp)

vietyl@bsc.com.vn

Thông tin doanh nghiệp

Giá hiện tại (VND):	40,200
Cổ phiếu LH (Triệu):	385.1
Vốn hoá (Tỷ VND):	16,289
Thanh khoản 30n (Triệu):	10.6
Sở hữu nước ngoài:	10.3%



I. CẬP NHẬT KQKD 1H2025 – HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỐT LÕI DẪN ĐẦU TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN

Bảng 1: Tóm tắt KQKD 1H2025

(Tỷ VND)	2Q24	2Q25	%YoY	1H24	1H25	%YoY
Doanh thu thuần	252	773	206%	457	2,064	352%
- Kinh doanh BĐS	210	696	232%	372	1,906	412%
- Cung cấp dịch vụ	29	35	23%	64	51	-20%
- Xây dựng	3	32	947%	7	88	1130%
- Cho thuê BĐS đầu tư	11	9	-15%	14	19	33%
Lợi nhuận gộp	129	332	158%	215	745	246%
%GPM	51%	43%		47%	36%	
Chi phí bán hàng	(42)	(121)	185%	(75)	(220)	193%
Chi phí QLDN	(141)	(85)	-40%	(253)	(224)	-11%
%SG&A/Revenue	-73%	-27%		-72%	-22%	
EBIT	(55)	125	-328%	(113)	300	-366%
Doanh thu tài chính	250	43	-83%	276	91	-67%
Chi phí tài chính	(68)	(48)	-28%	(118)	(147)	25%
Lãi/(lỗ) từ công ty LDLK	43	20	-53%	68	28	-58%
LNTT	177	149	-16%	131	291	123%
LNST	160	98	-39%	95	207	119%
LNST-CĐTS	145	99	-31%	68	208	206%

Nguồn: NLG, BSC Research

KQKD Q2/2025: DTT = 773 tỷ VND (+206% YoY) đóng góp hoàn toàn bởi kinh doanh cốt lõi từ tiếp tục bàn giao căn hộ tại Akari Phase 2 (TP HCM) và đất nền tại Central Lake (Cần Thơ). Nếu loại trừ thu nhập bất thường 231 tỷ VND từ thoái vốn Paragon Đại Phước vào 2Q2024, KQKD 2Q2025 ghi nhận mức cải thiện đáng kể với lợi nhuận ròng = 99 tỷ VND so với lỗ ròng -71 tỷ VND cùng kỳ.

Lũy kế 1H2025: DTT = 2,064 tỷ VND (gấp 4.5 lần cùng kỳ) và LNST-CĐTS = 208 tỷ VND (gấp 3.0 lần cùng kỳ), hoàn thành 30% kế hoạch kinh doanh năm 2025. **Doanh thu mở bán mới (presales) đạt 3,334 tỷ VND (+24.5% YoY)** được dẫn dắt bởi phân khu mới tại Southgate (đóng góp 66%) và đất nền tại Central Lake (đóng góp 12%).

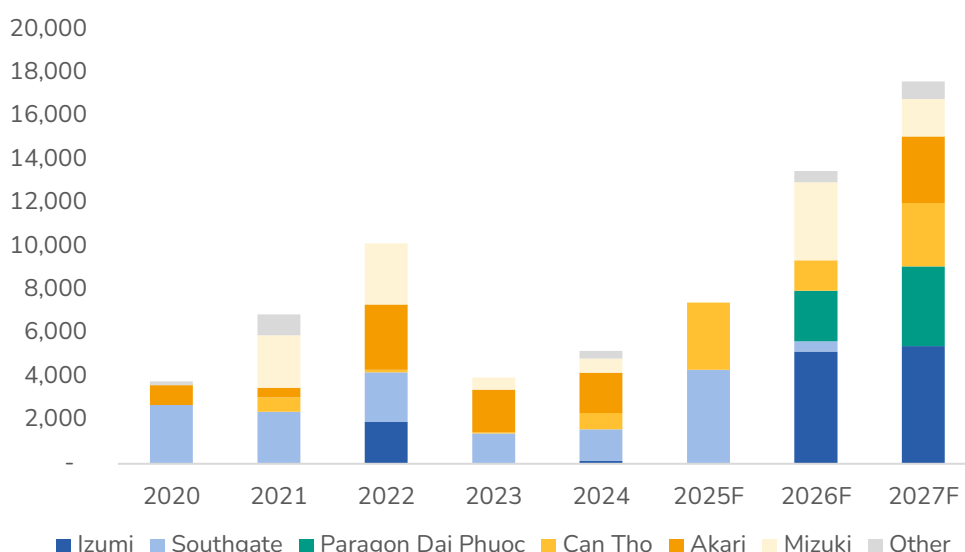
Nhìn chung, KQKD của NLG trong 1H2025 tương đồng với kỳ vọng của chúng tôi khi hoàn thành 29% dự phóng lợi nhuận và 45% dự phóng presales. Chúng tôi cho rằng bàn giao các sản phẩm tại 2 dự án hiện hữu Southgate và Central Lake tiếp tục là yếu tố chính dẫn dắt KQKD 2H2025 bên cạnh bán sỉ 15% Izumi.

II. CẬP NHẬT DOANH NGHIỆP 2025

1. Triển vọng tăng trưởng lợi nhuận +39% CAGR trong 2025-2027 được củng cố bởi kế hoạch mở bán mới tại Izumi và Paragon Đại Phước

Chúng tôi dự báo doanh số mở bán mới sẽ đạt mức tăng trưởng **+54% CAGR trong giai đoạn 2025-2027** khi doanh nghiệp đẩy mạnh tiến độ mở bán mới để triển khai Izumi và Paragon Đại Phước. Trong 2H2025, NLG dự kiến sẽ mở bán 2 phân khu cuối cùng tại Southgate (The Pearl 241 sản phẩm thấp tầng, Solaria 700 căn hộ) và xây dựng Izumi (phân khu Canaria, 461 sản phẩm thấp tầng), Paragon Đại Phước và Mizuki Park (phân khu Trellia, 817 căn hộ, LK11) – 3 dự án trọng điểm đóng góp KQKD trong 2026-2027. Theo đó, **BSC dự phóng doanh số bán nhà sẽ tăng mạnh +81.8% YoY đạt 13,491 tỷ VND năm 2026F và +30.6% YoY đạt 17,622 tỷ VND năm 2027F.**

Hình 1: Doanh số mở bán mới dự phóng 2025-2027



Nguồn: NLG, BSC Research

Do phần lớn các sản phẩm tại Izumi, Paragon Đại Phước là các dự án thấp tầng và được triển khai xây dựng từ 2H2025, BSC kỳ vọng 2 dự án sẽ đủ điều kiện bàn giao từ năm 2026 và đóng góp đáng kể ~56% lợi nhuận ròng năm 2026-2027 dưới dạng lợi nhuận từ công ty liên doanh liên kết. Cụ thể:

Năm 2025: BSC điều chỉnh giảm -12% dự báo **doanh thu thuần còn 6,222 tỷ VND (-14% YoY)** do giãn tiến độ bàn giao tại Southgate. Tuy nhiên, chúng tôi điều chỉnh tăng +14% dự báo **lợi nhuận ròng lên mức 725 tỷ VND (+42% YoY)** do được bù đắp bởi 250 tỷ VND lợi nhuận từ thoái vốn 15% Izumi đã thực hiện trong T7/2025.

Năm 2026: BSC dự báo DTT = 5,331 tỷ VND (-14% YoY) chủ yếu nhờ bàn giao Southgate và Cần Thơ. Bàn giao Izumi, Paragon Đại Phước sẽ dẫn dắt **thu nhập từ LDLK đạt 490 tỷ VND (gấp 7.1 lần cùng kỳ) và LNST-CDTS = 871 tỷ VND (+20% YoY).**

Chúng tôi lưu ý, dự phóng trên hoàn toàn đến từ hoạt động kinh doanh cốt lõi và không có các khoản mục thu nhập bất thường nào mặc dù NLG dự kiến sẽ tiếp tục duy trì chiến lược thoái vốn để hợp tác triển khai tại Waterpoint giai đoạn 2.

Bảng 2: Dự phóng KQKD 2025-2026

KQKD (tỷ đồng)	2024	2025F	% YoY	2026F	% YoY
Doanh thu	7,196	6,222	-14%	5,331	-14%
- Kinh doanh BĐS	6,945	5,961	-14%	4,717	-21%
- Cung cấp dịch vụ, xây dựng, cho thuê	230	262	14%	614	135%
- Chuyển nhượng dự án	20	-	-100%	-	
Giá vốn hàng bán	(4,128)	(3,695)	-10%	(2,975)	-20%
Lợi nhuận gộp	3,068	2,527	-18%	2,356	-7%
Chi phí bán hàng	(742)	(622)	-16%	(533)	-14%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(648)	(680)	5%	(714)	5%
Lãi/lỗ HDKD	1,678	1,224	-27%	1,109	-9%
Doanh thu tài chính	337	384	14%	147	-62%
Chi phí tài chính khác	(119)	(50)	-58%	(50)	0%
Chi phí lãi vay	(212)	(242)	14%	(266)	10%
Lợi nhuận từ CTLD/LK	100	69	-31%	490	611%
Lãi/lỗ khác	56	25	-55%	25	0%
LN trước thuế	1,839	1,410	-23%	1,455	3%
LN sau thuế	1,382	1,128	-18%	1,164	3%
LNST-CĐTS	512	725	42%	871	20%
% Biên LNG	43%	41%		44%	
% Biên LNR	19%	18%		22%	

Nguồn: NLG, BSC Research

2. Kế hoạch huy động vốn thông qua phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu

Doanh nghiệp kỳ vọng sẽ hoàn tất các thủ tục để thực hiện phương án phát hành chào bán thêm ra công chúng cho cổ đông hiện hữu trong 4Q2025, cụ thể như sau:

- Tỷ lệ chào bán 100:26 (tương đương 100.1 triệu cổ phiếu)
- Giá chào bán 25,000 VND/cp
- Nguồn vốn dự kiến thu được 2,503 tỷ VND
- Mục đích sử dụng vốn: 1,597 tỷ VND đầu tư vào dự án, 266 tỷ VND để đầu tư vào công ty con và 640 tỷ VND để thanh toán các khoản vay, nghĩa vụ tài chính khác.

Trước kế hoạch triển khai cùng lúc 2 dự án lớn Izumi, Paragon Đại Phước trong 2H2025-2026, nguồn vốn thu được sẽ là nguồn lực quan trọng để NLG tiến hành xây dựng trước khi triển khai mở bán và mang về dòng tiền.

III. ĐỊNH GIÁ

BSC duy trì khuyến nghị **MUA** đối với NLG và điều chỉnh tăng 12.8% **giá mục tiêu lên mức 50,100 VND/cp (upside 24.6% so với giá đóng cửa ngày 30/09/2025)**. Các điều chỉnh chính trong định giá ảnh hưởng làm thay đổi giá mục tiêu bao gồm:

- **Điều chỉnh giảm tại Mizuki Park** từ 3,006 tỷ VND xuống còn 1,346 tỷ VND sau khi cập nhật số lượng sản phẩm còn lại của dự án.
- **Điều chỉnh tăng tại (1) Waterpoint giai đoạn 2** do cập nhật lại giá trị sổ sách và nâng P/B mục tiêu từ 1.4x lên 1.8x tương đương với trung bình ngành hiện tại, **(2) Paragon Đại Phước** thay đổi phương pháp định giá từ P/B sang RNAV do dự án đã có kế hoạch triển khai rõ ràng, **(3) nợ ròng giảm năm 2025** từ 1,425 tỷ VND còn 235 tỷ VND nhờ dòng tiền thu được từ bán 15% Izumi City.

NLG ghi nhận hiệu suất đầu tư từ đầu năm ở mức +14.5% YTD thấp hơn so với +31.6% YTD của VNIndex và +52.5% YTD của trung bình ngành. Chúng tôi đánh giá hiệu suất kém tích cực này xuất phát từ tâm lý thị trường thận trọng trước các thông tin thoái vốn của cổ đông lớn (Ibeworthy, Đầu tư Thái Bình) và chủ tịch HĐQT. Diễn biến trên tạo ra áp lực ngắn hạn lên giá cổ phiếu, tuy nhiên, đồng thời mở ra cơ hội cho các nhà đầu tư dài hạn tích lũy cổ phiếu ở mức định giá hấp dẫn.

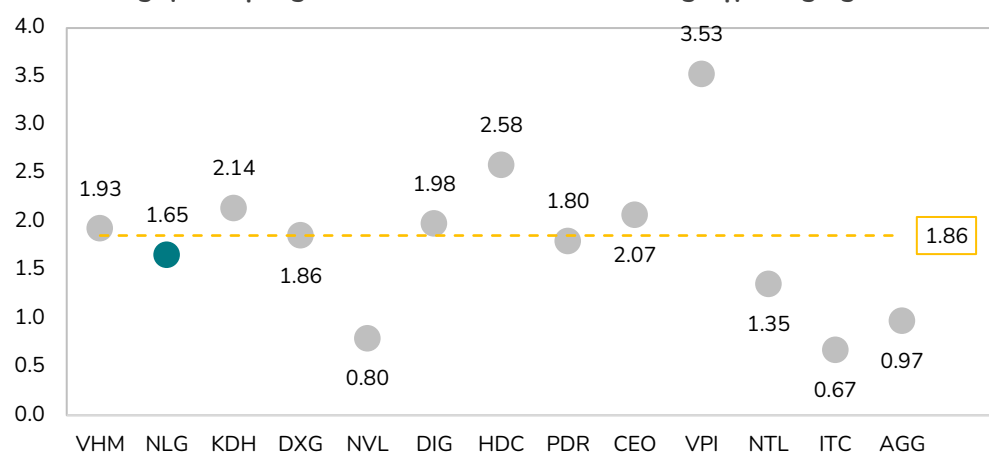
NLG hiện đang giao dịch tại mức P/B 2025F = 1.53x – thấp hơn mức trung bình ngành 1.8x hiện tại. Chúng tôi tin rằng triển vọng tăng trưởng bền vững trong giai đoạn 2025-2027 với (1) doanh số mở bán mới +54% CAGR, (2) lợi nhuận ròng +57% CAGR nhờ các dự án cao cấp Izumi, Paragon sẽ là động lực dẫn dắt giá cổ phiếu đạt hiệu suất tốt trong thời gian tới.

Bảng 5: Định giá NLG

Tỷ VND	Phương pháp	Đánh giá lại	% Tỷ lệ sở hữu	Giá trị thuộc về NLG
Akari	RNAV	2,096	50%	1,048
Mizuki	RNAV	2,693	50%	1,346
Southgate	RNAV	4,913	65%	3,193
Izumi	RNAV	12,895	50%	6,448
Cần Thơ	RNAV	1,416	100%	1,416
Hải Phòng (Ehome)	RNAV	573	50%	287
Waterpoint GD2	P/B	2,868	100%	5,162
Paragon Đại Phước	RNAV	4,572	50%	2,286
Khác	Book value	490		490
Tổng giá trị đánh giá lại	RNAV			21,676
Chiết khấu vào giá trị	10%			(2,168)
(+) Tiền + Đầu tư ngắn hạn				5,883
(-) Nợ vay + Nợ tiềm tàng				(6,118)
Tổng giá trị doanh nghiệp				19,274
Số lượng cổ phiếu (triệu)				385.1
Giá hiện tại				40,200
Giá mục tiêu				50,100
Tiềm năng tăng giá				24.6%
WACC				12.9%

Nguồn: BSC Research

Hình 5: Tương quan định giá P/B của NLG và các doanh nghiệp cùng ngành



Nguồn: Fiinpro, BSC Research

PHỤ LỤC

KQKD (tỷ đồng)	2024	2025	2026F	2027F
Doanh thu	7,196	6,222	5,331	4,209
Giá vốn hàng bán	(4,128)	(3,695)	(2,975)	(2,599)
Lợi nhuận gộp	3,068	2,527	2,356	1,611
Chi phí bán hàng	(742)	(622)	(533)	(421)
Chi phí QLDN	(648)	(680)	(714)	(750)
Lãi/lỗ HDKD	1,678	1,224	1,109	440
Doanh thu tài chính	337	384	147	137
Chi phí tài chính	(119)	(50)	(50)	(50)
Chi phí lãi vay	(212)	(242)	(266)	(226)
Lợi nhuận từ CTLD/LK	100	69	490	1,208
Lãi/lỗ khác	56	25	25	26
LN trước thuế	1,839	1,410	1,455	1,535
Thuế thu nhập DN	(457)	(282)	(291)	(307)
LN sau thuế	1,382	1,128	1,164	1,228
CĐTS	869	402	293	(183)
LNST-CĐTS	512	725	871	1,411
EBITDA	1,728	1,249	1,130	457
EPS	1,212	1,808	2,171	3,517

LCTT (tỷ đồng)	2024	2025	2026F	2027F
(lỗ)/LNST	1,839	1,410	1,455	1,535
Khấu hao và phân bổ	50	24	21	17
Thay đổi vốn lưu động	192	(621)	242	(2,145)
Điều chỉnh khác	(878)	(849)	(769)	(822)
LCTT từ HĐ KD	1,203	(36)	949	(1,416)
Tiền chi mua TSCĐ	(35)	(46)	(47)	(53)
Đầu tư khác	1,063	769	183	194
LCTT từ HĐ đầu tư	1,028	722	136	141
Tiền chi trả cổ tức	(194)	(194)	(194)	(194)
Tiền từ vay ròng	867	(844)	673	(1,014)
Tiền thu khác	-	-	(0)	(0)
LCTT từ HĐ tài chính	672	(1,038)	479	(1,209)
Dòng tiền đầu kỳ	2,540	5,443	5,092	6,655
Tiền trong kỳ	2,903	(352)	1,564	(2,484)
Dòng tiền cuối kỳ	5,443	5,092	6,655	4,172

CĐKT (Tỷ đồng)	2024	2025	2026F	2027F
Tài sản ngắn hạn	27,549	27,426	27,476	27,325
Tiền & Tương đương tiền	5,443	5,092	6,655	4,172
Đầu tư ngắn hạn	792	792	792	792
Phải thu ngắn hạn	2,629	2,625	2,805	2,587
Hàng tồn kho	17,993	18,518	16,824	19,375
TS ngắn hạn khác	692	400	400	400
Tài sản dài hạn	2,759	2,679	3,187	3,736
Tài sản hữu hình	143	181	213	239
Tài sản dở dang dài hạn	5	5	5	5
Đầu tư dài hạn	316	316	316	316
Tài sản dài hạn khác	2,294	2,177	2,653	3,176
Tổng Tài sản	30,308	30,105	30,663	31,061
Tổng nợ ngắn hạn	10,148	9,778	9,456	8,813
Nợ phải trả	1,027	1,057	757	872
Vay ngắn hạn	2,887	2,647	3,604	2,777
Nợ ngắn hạn khác	6,233	6,074	5,095	5,164
Tổng nợ dài hạn	5,594	4,646	4,362	4,175
Vay dài hạn	4,074	3,470	3,187	3,000
Doanh thu chưa thực hiện	303	-	-	-
Nợ dài hạn khác	1,217	1,175	1,175	1,175
Tổng nợ phải trả	15,742	14,424	13,818	12,988
Vốn góp	3,851	3,851	3,851	3,851
Thặng dư vốn cổ phần	2,643	2,643	2,643	2,643
LN chưa phân phối	3,166	3,891	4,762	6,173
Vốn chủ khác	13	-	-	(0)
Cổ đông thiểu số	4,894	5,296	5,589	5,406
Tổng vốn chủ sở hữu	14,566	15,681	16,845	18,073
Tổng nguồn vốn	30,308	30,105	30,663	31,061
Số lượng cổ phiếu lưu hành (triệu)	385	385	385	385

Chỉ số (%)	2024	2025	2026F	2027F
Khả năng thanh toán				
Hệ số TT ngắn hạn	2.7	2.8	2.9	3.1
Hệ số TT nhanh	0.9	0.9	1.1	0.9
Cơ cấu vốn				
Hệ số Nợ/TTT	23%	20%	22%	19%
Hệ số Nợ/Nguồn vốn	72%	59%	60%	46%
Năng lực hoạt động				
Số ngày HTK	1,597	1,829	2,064	2,721
Số ngày phải thu	133	154	192	224
Số ngày phải trả	216	249	228	300
CCC	1,514	1,734	2,029	2,646
Tỉ suất lợi nhuận				
Biên Lợi nhuận gộp	43%	41%	44%	38%
Biên Lợi nhuận ròng	19%	18%	22%	29%
ROE	9.5%	7.2%	6.9%	6.8%
ROA	4.6%	3.7%	3.8%	4.0%
Định giá				
PE	34.0	22.8	19.0	11.7
PB	1.64	1.53	1.41	1.25
Tăng trưởng				
Tăng trưởng DTT	126%	-14%	-14%	-21%
Tăng trưởng EBIT	188%	-27%	-9%	-60%
Tăng trưởng LNTT	73%	-18%	3%	5%
Tăng trưởng EPS	6%	49%	20%	62%

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về doanh nghiệp. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8&9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84439352722
Fax: +84422200669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 4, Tầng 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Tel: +84838218885
Fax: +84838218510

<https://www.bsc.com.vn>

<https://www.facebook.com/BIDVSecurities>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Hệ thống khuyến nghị

Các khuyến nghị Mua, Bán hoặc Nằm giữ chứng khoán được xác định dựa trên tổng mức sinh lời kỳ vọng, bằng tổng của chênh lệch giữa giá mục tiêu và giá đóng cửa ngày khuyến nghị của chứng khoán cộng với tỷ suất cổ tức kỳ vọng. Các định nghĩa về khuyến nghị cụ thể như sau:

Xếp hạng khuyến nghị	Định nghĩa
MUA MẠNH	Tổng mức sinh lời kỳ vọng trong 1 năm từ 30% trở lên
MUA	Tổng mức sinh lời kỳ vọng trong 1 năm từ 15% đến 30%
NĂM GIỮ	Tổng mức sinh lời kỳ vọng trong 1 năm từ -10% đến 15%
BÁN	Tổng mức sinh lời kỳ vọng trong 1 năm thấp hơn -10%

Thông tin liên hệ - Trung tâm phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long

Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa

P. Giám đốc Trung tâm PTNC

Vĩ mô - Thị trường

Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu

P. Giám đốc Trung tâm PTNC

Ngành – Doanh nghiệp

Buupq@bsc.com.vn

Nhóm Ngân hàng, Tài chính

Dương Quang Minh

Trưởng nhóm, Chuyên viên phân tích cao cấp

Minhdq@bsc.com.vn

Đoàn Minh Trí

Chuyên viên phân tích

Tridm@bsc.com.vn

Nhóm Bất động sản, VLXD

Phạm Quang Minh

Trưởng nhóm, Chuyên viên phân tích cao cấp

Minhpm@bsc.com.vn

Lâm Việt

Chuyên viên phân tích cao cấp

Vietl@bsc.com.vn

Nguyễn Công Hoàng Duy

Chuyên viên phân tích

Duyhch@bsc.com.vn

Nhóm Dầu khí, Điện, Phân bón – Hoá chất

Nguyễn Thị Cẩm Tú

Trưởng nhóm, Chuyên viên phân tích cao cấp

Tuntc@bsc.com.vn

Lưu Thuỳ Linh

Chuyên viên phân tích

Linhlt2@bsc.com.vn

Nguyễn Dân Trường

Chuyên viên phân tích

Truongnd@bsc.com.vn

Nhóm Bán lẻ, Xuất khẩu, Logistics

Phạm Thị Minh Châu

Trưởng nhóm, Chuyên viên phân tích cao cấp

Chauptm@bsc.com.vn

Trần Lâm Tùng

Chuyên viên phân tích

Tungtl@bsc.com.vn

Trần Nguyễn Tường Huy

Chuyên viên phân tích

Huytnt@bsc.com.vn